

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 177/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1957; địa chỉ: Số C, tổ E, khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: Số C, tổ E, khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 09/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Văn Q trình bày:

Vào năm 1999 ông và bà Nguyễn Thị Đ quen biết thương yêu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 người con chung tên Đỗ Thị Chúc Q1, sinh ngày 01/3/2000, hiện cháu Q1 đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Ông Q xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng

bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau. Ông Q nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Do giữa ông và bà Đ là chung sống chấp nối với nhau, ai cũng đã có một đời vợ, đời chồng rồi nên khi sống chung với nhau thì ông bà không đi đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Hiện cháu Q1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản tự khai đề ngày 29 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào năm 1999 bà và ông Đỗ Văn Q quen biết thương yêu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông bà có 01 người con chung tên Đỗ Thị Chúc Q1, sinh ngày 01/3/2000, hiện cháu Q1 đã trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Bà Đ xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau.

Nay ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà Đ có ý kiến như sau

Về hôn nhân: Do giữa bà và ông Q là chung sống chấp nối với nhau, ai cũng đã có một đời vợ, đời chồng rồi nên khi sống chung với nhau thì ông bà không đi đăng ký kết hôn nên yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc nuôi con chung: Hiện cháu Q1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Q có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của ông bà. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Q và bà Đ nhưng ông, bà vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Q và bà Đ đều xác định ông bà chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng đến nay ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống thì ông bà sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2023 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ chung sống như vợ chồng giữa ông Q và bà Đ từ năm 1998 đến nay là một khoảng thời gian dài nhưng ông bà vẫn không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này” thì Hội đồng xét xử nhận định mối quan hệ giữa ông bà là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, hơn nữa căn cứ vào đơn xác nhận ngày 29/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn S cũng xác nhận ông bà chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay không có đăng ký kết hôn nên cần xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Q và bà Đ.

[3] Về việc nuôi con chung: Ông Q và bà Đ có 01 (một) người con chung Đỗ Thị Chúc Q1, sinh ngày 01/3/2000. Ông Q và bà Đ đều xác nhận cháu Q1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q và bà Đ đều xác nhận về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Q yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Q phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ.

2. Về việc nuôi con chung: Ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ có 01 (một) người con chung Đỗ Thị Chúc Q1, sinh ngày 01/3/2000, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Văn Q phải nộp 300.000 đồng nhưng ông Q được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0009522, ngày 07-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, ông Q không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

5. Quyền kháng cáo: Ông Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND thị trấn Sóc Sơn;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Phan Thị Quyên

